TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:550/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn giữa Anh T và chị T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yến**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Quý**;
2. Ông **Nguyễn Bền**;
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Đông** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang* tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đồng Quốc T**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: 717/5 Ấp C H, xã T C N, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị Hồng T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 717/5 Ấp C H, xã T C N, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đồng Quốc T trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang vào năm 2000. Thời gian đầu anh và chị T chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể hòa hợp. Nguyên nhân do công việc của anh không thuận lợi, kinh tế gia đình khó khăn nên phải đi làm xa, anh không thường xuyên về làm cho tình cảm của anh, chị T nhạt dần, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên anh và chị T sống ly thân từ tháng 6 năm 2016. Anh cảm nhận tình cảm vợ chồng của anh và chị T không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Anh và chị T có 03 con chung gồm Đồng Bảo T, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2001 đang sống cùng với anh, còn Đồng Quốc T sinh ngày

22/11/2013 và Đồng Bảo N sinh ngày 08/11/2005 đang sống chung với chị T. Anh thống nhất giao cháu T và N cho chị T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, cháu N có nguyện vọng anh nuôi dưỡng, anh đồng ý và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung vì anh có việc làm, có thu nhập nên đủ khả năng nuôi con. Anh và chị T không có tài sản chung, không nợ ai.

* Đối với chị Phan Thị Hồng T từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị T không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh T. Giao con chung Quốc T cho chị T, giao cháu N cho Anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Chị T không cấp dưỡng nuôi do Anh T không yêu cầu. Việc cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T, chị T chưa có yêu cầu. Anh T xác định anh, chị T không có tài sản, nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của anh Đồng Quốc T về việc tranh chấp ly hôn với chị Phan Thị Hồng T thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Tại phiên tòa, chị Phan Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, Anh T và chị T chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên Anh T và chị T sống ly thân. Khoảng thời gian Anh T và chị T sống ly thân, cả hai anh chị vẫn chưa thể hàn gắn tình cảm nên mâu thuẫn giữa Anh T và chị T đã trầm trọng, Anh T không thể duy trì cuộc sống chung với chị T. Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, chị T không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc Anh T yêu cầu ly hôn với chị và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân với Anh T. Do đó Anh T yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Đồng Quốc T sinh ngày 22/11/2003 và Đồng Bảo N sinh ngày 08/11/2005 đều có nguyện vọng sống chung với mẹ và Anh T cũng thống nhất. Tuy nhiên cháu N có ý kiến thay đổi muốn Anh T nuôi dưỡng và Anh T cũng đồng ý. Nhận thấy ý kiến của cháu T và N về người trực tiếp nuôi dưỡng và Anh T cũng thống nhất là đã đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó giao cháu Đồng Quốc T cho chị T, giao cháu Đồng Bảo N cho Anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T chưa có văn bản thể hiện ý kiến về vấn đề này đối với cháu T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi chị T có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung thì các bên đương sự tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì chị T khởi kiện và được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản và nợ chung: Anh T trình bày không có, không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Đồng Quốc T.

1. Về hôn nhân: Cho anh Đồng Quốc T ly hôn với chị Phan Thị Hồng T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đồng Quốc T sinh ngày 22 tháng 11 năm 2003 cho chị T, giao cháu Đồng Bảo N sinh ngày 08 tháng 11 năm 2005 cho Anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Anh T, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị chưa có yêu cầu.

Không ai được quyền cản trở Anh T, chị T thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh T trình bày không có, không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 09573 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, như vậy Anh T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoàng Yến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSDND H.Châu Thành, Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, Tiền Giang;
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, TG;
- Đương sự;
- Lưu.